

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26f063501-L64BH2L Ngày / Date: 20/04/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM TÂN VẠN XUÂN**

Thôn Đồng Sẻ, Xã Lương Sơn, Tỉnh Phú Thọ

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26f0635-01

**Tên mẫu thử / name.:** SUPER SUN CREAM**Số lô / LOT no.:** 01/2026/SSD**Ngày sản xuất / mfg.:** 03/04/2026**Hạn sử dụng / exp.:** 02/04/2028**Ngày tiếp nhận / receipt date.:** 6/4/2026**Thời gian lưu mẫu / Storage time:** Không có mẫu lưu**Ngày thử nghiệm / test date.:** 6/4/2026 - 17/4/2026**Mô tả / desc.:** Mẫu dạng kem, đóng trong tuýp nhựa, 50ml/tuýp x 01 tuýp/hộp, trên hộp ghi thông tin sản phẩm

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/ND-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT26f063501-L64BH2L Ngày / Date: 20/04/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Cảm quan	Dạng kem, màu be, mùi đặc trưng	--	HDPP01-KN	IRDOP VS
2.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006)	mg/kg	Pro 5901 AS (TCVN 13646:2023)	IRDOP
3.	Asen (As)	KPH (LOD: 0,007)	mg/kg	Pro 5901 AS (TCVN 13646:2023)	IRDOP
4.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005)	mg/kg	Pro 5901 AS (TCVN 13646:2023)	IRDOP
5.	Thủy ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,004)	mg/kg	Pro 5901 AS (TCVN 13646:2023)	IRDOP
6.	Pseudomonas aeruginosa	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 5)	CFU/g	ISO 22717:2015/Amd 1:2022	IRDOP VS
7.	Staphylococcus aureus	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 6)	CFU/g	ISO 22718:2015/Amd 1:2022	IRDOP VS
8.	Candida albicans	KPH (eLOD <sub>50</sub> : 6)	CFU/g	ISO 18416:2015/Amd 1:2022	IRDOP VS
9.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	KPH (LOD: 10)	CFU/g	ISO 21149:2017/Amd 1:2022	IRDOP VS
10.	Tổng số nấm men và nấm mốc	KPH (LOD: 10)	CFU/g	Pro 6001 DKL	IRDOP
11.	Chỉ số chống nắng SPF	50+	--	HDPP05-KNMP (2023)	IRDOP VS
12.	Chỉ số chống nắng PA	++++	--	HDPP05-KNMP (2023)	IRDOP VS

**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**  
Trần Thị Lan  
**K.T. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG / Vice President**  
  
Nguyễn Bá Xuân Trường